

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2000

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	2-3
Báo cáo của Kiểm toán viên độc lập	4-5
Bảng Cân đối kế toán	6-8
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	9-10
Ghi chú Báo cáo tài chính	11-17

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc đề trình Báo cáo của mình kèm theo Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2000.

HOẠT ĐỘNG CHÍNH CỦA CÔNG TY

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh bảo hiểm, tái bảo hiểm và các hoạt động khác gắn với hoạt động bảo hiểm như đầu tư vốn nhân rồi.

KẾT QUẢ VÀ PHÂN PHỐI KẾT QUẢ

Tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2000 cũng như kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày được trình bày trong Báo cáo tài chính từ trang 10 đến trang 15.

SỰ KIỆN SAU NGÀY LẬP BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 22 tháng 3 năm 2001, Hội đồng quản trị đã phê duyệt cho số trích lập các quỹ Công ty đồng thời nhất trí phương án đề xuất tăng vốn cổ đông và giao cho Giám đốc Công ty trình văn bản lên Hội đồng quản trị. Ngày 30 tháng 3 năm 2001, Chủ tịch Hội đồng quản trị đã phê chuẩn cho việc huy động thêm vốn này.

Cũng tại cuộc họp ngày 22 tháng 3 năm 2001, Hội đồng quản trị đã thống nhất góp vốn cổ phần 3 tỷ VNĐ vào Công ty Cổ phần Du lịch Bưu điện.

Kiểm toán viên

Công ty Kiểm toán Việt Nam (VACO) trình bày nguyện vọng tiếp tục được bổ nhiệm là kiểm toán viên của Công ty.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị:

Bà Trần Thị Xuân Nhật	Chủ tịch	
Ông Phạm Xuân Phong	Phó Chủ tịch	
Bà Lê Thị Đương	Ủy viên	(thôi giữ chức ngày 16/11/2000)
Ông Nguyễn Mạnh Toàn	Ủy viên	(bổ nhiệm ngày 16/11/2000)
Ông Trịnh Quang Tuyến	Ủy viên	
Ông Hà Văn Nga	Ủy viên	

Ban Kiểm soát:

Ông Mai Đình Hợp	Trưởng ban	(thôi giữ chức ngày 16/11/2000)
Ông Đinh Công Thuý	Trưởng ban	(bổ nhiệm ngày 16/11/2000)
Bà Trần Thị Ngụ	Ủy viên	
Ông Nguyễn Đình Thiết	Ủy viên	

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)Ban Giám đốc

Bà Lê Thị Đươn

Giám đốc

(thời giữ chức ngày 16/11/2000)

Ông Nguyễn Mạnh Toàn

Giám đốc

(bổ nhiệm ngày 16/11/2000)

Ông Nguyễn Đức Bình

Phó Giám đốc

Ông Trần Văn Quang

Phó Giám đốc

Kế toán trưởng:

Ông Đỗ Quang Khánh

Kế toán trưởng

BÁO CÁO TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2000 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động của Công ty trong năm. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, các yêu cầu sau cần được tuân thủ:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong các Báo cáo tài chính hay không; và
- Lập các Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu trên trong việc lập các Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các Báo cáo tài chính tuân thủ hệ thống kế toán đã đăng ký. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt Ban Giám đốc


Nguyễn Mạnh Toàn
Giám đốc
Đỗ Quang Khánh
Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 15 tháng 05 năm 2001.



CÔNG TY KIỂM TOÁN VIỆT NAM
CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN

8 Phạm Ngọc Thạch
Hà Nội - Việt Nam

Tel : (84.4) 8522 104/8524 118
Fax : (84.4) 8524 119/143

Số: 229 /VACO-KT-ĐT

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2000 của Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện ("Công ty") từ trang 6 đến trang 17 kèm theo. Báo cáo tài chính được lập phù hợp với các chính sách kế toán nêu tại Ghi chú 2 phần Ghi chú Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 2 và trang 3, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính một cách trung thực và hợp lý. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến kiểm toán độc lập về các Báo cáo tài chính này trên cơ sở kết quả của cuộc kiểm toán và báo cáo với Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty.

Cơ sở đưa ra ý kiến

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam, các Hướng dẫn thực hành kiểm toán Quốc tế được thừa nhận tại Việt Nam và Quy chế kiểm toán độc lập tại Việt Nam. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra trên cơ sở chọn mẫu các ghi chép kế toán, những bằng chứng liên quan đến số liệu và thông tin được trình bày trên báo cáo tài chính. Đồng thời chúng tôi cũng đánh giá những ước tính kế toán và xét đoán quan trọng mà Ban Giám đốc đã đưa ra trong quá trình lập Báo cáo tài chính và xem xét các chính sách kế toán có được áp dụng nhất quán và trình bày đầy đủ, phù hợp với điều kiện của Công ty hay không.

Chúng tôi đã lập kế hoạch và tiến hành kiểm toán để đạt được các thông tin và giải trình mà chúng tôi thấy cần thiết, qua đó cung cấp những bằng chứng xác đáng cho chúng tôi để có được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu. Để đưa ra ý kiến, chúng tôi cũng đánh giá tổng quát tính đúng đắn trong việc trình bày các thông tin trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã tạo ra cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Vấn đề không thống nhất trong xử lý kế toán

Chúng tôi đã đưa ra ý kiến ngoại trừ trong Báo cáo kiểm toán năm 1999 về việc Công ty đã tạm hoàn trả vốn góp cho các cổ đông và hạch toán vào khoản Phải thu vốn điều lệ (số tiền 24.150.000.000 VNĐ) trên Tài khoản Phải thu khác thay vì hạch toán giảm vốn. Theo ủy quyền của Đại hội cổ đông ngày 16/11/2000, Hội đồng quản trị đã phê duyệt phương án huy động vốn góp cổ đông ngày 30/03/2001, trong đó, giảm vốn các cổ đông pháp nhân là 8.100.000.000 VNĐ đồng thời tăng vốn của cổ đông thể nhân lên tương ứng nhằm điều chỉnh tỷ lệ vốn góp theo đúng Điều lệ Công ty. Dựa trên phương án được phê duyệt này, Công ty đã hạch toán số vốn thể nhân đã góp trong năm 2000 điều chỉnh giảm số Phải thu vốn điều lệ nói trên là 6.056.600.000 VNĐ, do đó số dư ngày 31/12/2000 của khoản Phải thu vốn điều lệ là 18.093.400.000 VNĐ.

Văn phòng TP Hồ Chí Minh

Saigon Trade Center, phòng 1104 - 1105
37 Tôn Đức Thắng, Q1 - TP. Hồ Chí Minh
Tel : (84).8.9100751 - 0756
Fax: (84).8.9100750

Văn phòng Hải Phòng

24 Cù Chính Lan
Tel : (84).31.823 761/123
Fax: (84).31.822 414

Ý kiến chấp nhận từng phần

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề không thống nhất trong xử lý kế toán nêu trên, các Báo cáo tài chính đã phản ánh một cách trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2000 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho doanh nghiệp bảo hiểm.

Mặc dù không đưa ra ý kiến ngoại trừ, nhưng chúng tôi xin lưu ý những vấn đề sau :

- Như đã trình bày tại Ghi chú 2c, số dư doanh thu phát sinh tại ngày 31/12/2000 không phải thuộc hợp đồng bảo hiểm nhiều năm là 3,811 tỷ VNĐ. Tuy nhiên, theo Chế độ kế toán doanh nghiệp bảo hiểm sửa đổi tại Thông tư số 179/1998/TT-BTC ngày 26/12/1998 của Bộ Tài chính, tài khoản doanh thu phát sinh chỉ sử dụng trong trường hợp hợp đồng bảo hiểm giữa doanh nghiệp bảo hiểm và khách hàng được thực hiện trong nhiều kỳ hoạt động kinh doanh. Ban Giám đốc Công ty đánh giá rằng, số dư doanh thu phát sinh 3,811 tỷ VNĐ nói trên là các hợp đồng bảo hiểm nhiều kỳ kinh doanh (nhiều quý) do đó chưa thực hiện hạch toán vào doanh thu bảo hiểm trên Báo cáo kết quả kinh doanh.
- Như đã trình bày tại Ghi chú 2f, năm 2000, quỹ dự phòng bồi thường được trích lập trên ước tính tổn thất của các nghiệp vụ bảo hiểm gốc mà không tính trên mức trách nhiệm thuần của Công ty. Trong khi đó, năm 1999, Công ty trích lập quỹ dự phòng bồi thường trên cơ sở mức trách nhiệm thuần của Công ty. Ban Giám đốc Công ty đánh giá rằng, việc thay đổi phương pháp tính dự phòng bồi thường nói trên nhằm đưa ra một chính sách kế toán hợp lý hơn.



Nguyễn Quốc Huy

Phó Giám đốc

Chứng chỉ kiểm toán viên số Đ.0033/KTV

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY KIỂM TOÁN VIỆT NAM

Hà Nội, ngày 15 tháng 05 năm 2001.

Trương Anh Hùng

Chủ nhiệm kiểm toán

Chứng chỉ kiểm toán viên số Đ.0029/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2000

	Ghi chú	31/12/2000 VNĐ	31/12/1999 VNĐ
A. TÀI SẢN LƯU ĐỘNG VÀ ĐẦU TƯ NGẮN HẠN		103.776.089.033	88.905.291.826
I. Tiền		10.341.753.256	5.153.487.570
1. Tiền mặt tại quỹ		357.499.168	601.008.266
2. Tiền gửi ngân hàng		9.984.254.088	4.540.904.240
3. Tiền đang chuyển		-	11.575.064
II. Các khoản đầu tư		69.500.000.000	54.289.721.498
1. Đầu tư ngắn hạn khác	6	69.500.000.000	54.289.721.498
III. Các khoản phải thu		23.209.943.952	28.737.565.623
1. Phải thu của khách hàng	3	6.251.686.197	3.708.712.798
2. Doanh thu chưa thanh toán		(3.811.698.289)	(458.090.910)
3. Trả trước cho người bán	4	2.645.822.455	1.320.000.000
4. Các khoản phải thu khác	5	18.110.999.578	24.166.943.735
5. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi		(10.289.896)	-
6. Thuế GTGT được khấu trừ		23.423.907	-
IV. Hàng tồn kho		21.937.007	46.654.818
1. Nguyên liệu, vật liệu		16.888.397	39.494.518
2. Công cụ, dụng cụ		5.048.610	7.160.300
V. Tài sản lưu động khác		702.454.818	677.862.317
1. Tạm ứng		252.119.853	131.170.977
2. Chi phí trả trước		332.159.500	186.635.999
3. Chi phí chờ kết chuyển		118.175.465	360.055.341
B. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÀ ĐẦU TƯ DÀI HẠN		17.250.423.750	6.819.931.051
I. Tài sản cố định		4.250.423.750	3.819.931.051
1. Tài sản cố định hữu hình	7a	3.986.199.248	3.467.631.733
Nguyên giá		5.388.989.185	3.943.129.437
Khấu hao lũy kế		(1.402.789.937)	(475.497.704)
2. Tài sản cố định vô hình	7b	264.224.502	352.299.318
Nguyên giá		510.458.580	510.458.580
Khấu hao lũy kế		(246.234.078)	(158.159.262)
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	9	11.000.000.000	1.000.000.000
1. Đầu tư chứng khoán dài hạn		1.000.000.000	1.000.000.000
2. Các khoản đầu tư dài hạn khác		10.000.000.000	-
III. Các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn	8	2.000.000.000	2.000.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN		121.026.512.783	95.725.222.877

Các ghi chú từ trang 11 đến trang 17 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2000

	Ghi chú	31/12/2000 VNĐ	31/12/1999 VNĐ
A. NỢ PHẢI TRẢ		51.557.057.424	27.138.467.735
I. Nợ ngắn hạn		51.557.057.424	27.135.467.735
1. Phải trả người bán	10	2.726.609.605	766.305.150
2. Người mua trả tiền trước		989.017.427	775.452.760
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		5.114.059.277	3.125.282.838
4. Phải trả công nhân viên	11	714.806.715	131.862.872
5. Các khoản phải trả khác		264.031.335	171.648.370
6. Các quỹ dự phòng nghiệp vụ	12	41.748.533.065	22.164.915.745
II. Nợ khác		-	3.000.000
1. Nhận ký cược, ký quỹ dài hạn			3.000.000
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU		69.469.455.359	68.586.755.142
I. Nguồn vốn chủ sở hữu		69.469.455.359	68.586.755.142
1. Nguồn vốn kinh doanh	13	58.297.500.000	61.192.200.000
2. Chênh lệch tỷ giá		15.201.698	1.656.804
3. Quỹ đầu tư phát triển	14	1.771.772.769	342.135.086
4. Quỹ dự phòng tài chính	14	858.218.810	381.672.916
5. Lãi chưa phân phối	16	6.830.426.902	5.885.739.842
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	15	1.505.716.822	783.350.494
7. Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm		190.618.358	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		121.026.512.783	95.725.222.877

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2000

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ghi chú	31/12/2000	31/12/1999
1. Ngoại tệ các loại	USD 39.984,56	USD 88.896,28
2. Nguồn vốn khấu hao cơ bản hiện có	VNĐ1.649.024.015	VNĐ 633.656.966


Nguyễn Mạnh Toàn
Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 05 năm 2001


Đỗ Quang Khánh
Kế toán trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2000**Phần I: Lãi (lỗ)**

	Ghi chú	2000 VNĐ	1999 VNĐ
1. Thu phí bảo hiểm gốc	17	69.212.362.179	44.774.153.892
2. Thu phí nhận tái bảo hiểm		3.782.832.046	2.994.848.195
3. Các khoản giảm trừ:		(22.997.802.108)	(10.721.085.789)
- Chuyển phí nhượng tái bảo hiểm		(22.842.496.018)	(10.468.143.194)
- Giảm phí		(3.075.000)	
- Hoàn phí		(152.231.090)	(252.942.595)
4. Tăng (giảm) dự phòng phí		(5.279.850.765)	(13.286.729.699)
5. Thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm:		7.243.608.755	2.860.107.491
- Thu nhượng tái bảo hiểm		7.200.796.743	2.860.107.491
- Thu khác		42.812.012	-
6. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm		51.961.150.107	26.621.294.090
7. Chi bồi thường bảo hiểm gốc	18	(10.671.509.228)	(1.847.901.220)
8. Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm		(1.352.876.653)	(836.048.189)
9. Các khoản giảm trừ:		2.674.870.354	114.659.048
- Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm		2.519.615.446	113.259.048
- Thu đòi người thứ ba		155.254.908	1.400.000
10. Bồi thường thuộc phần trách nhiệm giữ lại		(9.349.515.527)	(2.569.290.361)
11. Tăng giảm dự phòng bồi thường		(4.302.101.865)	(5.206.525.936)
12. Số trích dự phòng dao động lớn trong năm		(10.001.664.690)	(1.852.730.496)
13. Chi khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm:		(4.818.421.317)	(2.912.813.226)
- Chi hoa hồng bảo hiểm gốc		(3.636.049.258)	(2.086.044.429)
- Chi nhận tái bảo hiểm		(964.027.807)	(764.929.180)
- Chi khác (giám định, đại lý)		(218.344.252)	(61.839.617)
14. Tổng chi trực tiếp kinh doanh bảo hiểm		(28.471.703.399)	(12.541.360.019)
15. Thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ		(27.533.279)	(19.739.494)
16. Lợi tức gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm		23.461.913.429	14.060.194.577
17. Chi phí bán hàng		(253.527.657)	(48.604.951)
18. Chi phí quản lý kinh doanh		(13.734.933.052)	(8.072.808.185)
19. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm		9.473.452.720	5.938.781.441
20. Lợi nhuận hoạt động tài chính:		5.402.391.477	4.121.501.625
- Thu nhập hoạt động tài chính		5.409.301.895	4.121.501.625
- Chi phí hoạt động tài chính		(6.910.418)	
21. Lợi nhuận hoạt động bất thường:		1.300.000	2.513.595
- Thu nhập hoạt động bất thường		1.300.000	7.415.777
- Chi phí hoạt động bất thường		-	(4.902.182)
22. Tổng lợi nhuận trước thuế		14.877.144.197	10.062.796.661
23. Thuế thu nhập doanh nghiệp		(5.346.226.310)	(3.220.094.932)
24. Lợi nhuận sau thuế		9.530.917.887	6.842.701.729

Các ghi chú từ trang 11 đến trang 17 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2000**Phần II- Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước**

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Số phải nộp 01/01/2000	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số còn phải nộp 31/12/2000
I. Thuế	2.998.592.999	10.827.480.211	(8.932.519.145)	4.893.554.065
1. Thuế GTGT phải nộp	217.458.067	5.479.303.901	(5.445.434.213)	251.327.755
2. Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.781.134.932	5.346.226.310	(3.485.134.932)	4.642.226.310
3. Các loại thuế khác	-	1.950.000	(1.950.000)	-
II. Các khoản phải nộp	126.689.839	252.438.890	(158.623.517)	220.505.212
1. Các khoản phải nộp khác	126.689.839	252.438.890	(158.623.517)	220.505.212
Tổng cộng	3.125.282.838	11.079.919.101	(9.091.142.662)	5.114.059.277

Trong số Thuế TNDN phải nộp năm nay, bao gồm cả 585.540.167 VNĐ thuế TNDN bổ sung.

Phần III- Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Số lũy kế từ đầu năm 2000
I. Thuế GTGT được khấu trừ	
1. Thuế GTGT còn được khấu trừ, còn được hoàn lại đầu kỳ	-
2. Số thuế GTGT được khấu trừ phát sinh	970,095,151
3. Số thuế GTGT đã được khấu trừ, đã được hoàn lại	970,095,151
Trong đó:	
a. Số thuế GTGT đã khấu trừ	942,561,872
b. Số thuế GTGT đã hoàn lại	
c. Số thuế GTGT không được khấu trừ	27,533,279
4. Số thuế GTGT không được khấu trừ, còn được hoàn lại cuối kỳ	-
II. Thuế GTGT được hoàn lại	
1. Số thuế GTGT còn được hoàn lại đầu kỳ	
2. Số thuế GTGT được hoàn lại	23,423,907
3. Số thuế GTGT đã hoàn lại	
4. Số thuế GTGT còn được hoàn lại cuối kỳ	23,423,907


Nguyễn Mạnh Toàn
 Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 05 năm 2001


Đỗ Quang Khánh
 Kế toán trưởng

Các ghi chú từ trang 11 đến trang 17 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này

GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các ghi chú từ trang 11 đến trang 17 là bộ phận không thể tách rời và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính này

1. KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện được thành lập theo Giấy phép số 3633/GP-UB ngày 01/08/1998 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội với các cổ đông sáng lập sau:

	Vốn góp VNĐ	Tỷ lệ %
Tổng Công ty Bưu chính Viễn thông Việt Nam	28.700.000.000	49,23
Công ty Bảo hiểm Thành phố Hồ Chí Minh	7.000.000.000	12,01
Công ty Tái bảo hiểm Quốc gia Việt Nam	5.600.000.000	9,61
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế	2.800.000.000	4,80
Tổng Công ty Xuất nhập khẩu Xây dựng Việt Nam	1.400.000.000	2,40
Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội	1.400.000.000	2,40
Công ty Xuất nhập khẩu Vật tư Bưu điện I	1.400.000.000	2,40

Công ty tiến hành các hoạt động kinh doanh bảo hiểm, tái bảo hiểm và các hoạt động khác gắn với hoạt động bảo hiểm nhân đầu tư vốn nhân rồi.

Công ty có trụ sở chính ở Hà Nội và các chi nhánh tại các thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Cần Thơ và Hải Phòng.

2. MỘT SỐ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG

Sau đây là một số chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng để lập Báo cáo này:

(a) Cơ sở lập báo cáo

Các Báo cáo tài chính được lập bằng Đồng Việt Nam (VNĐ), theo Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm ban hành kèm theo Quyết định số 1296 TC/QĐ/CDKT ngày 31 tháng 12 năm 1996 của Bộ Tài chính. Công ty chưa lập Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính 2000.

(b) Ngoại tệ

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong năm bằng ngoại tệ được quy đổi thành VNĐ theo tỷ giá do Tổng Công ty Bưu chính Viễn thông quy định trong năm 2000 là 14.016 VNĐ/USD. Tại thời điểm 31/12/2000, tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá 14.515 VNĐ/USD. Tuy nhiên, các khoản phải thu phí bảo hiểm gốc và công nợ phải trả có gốc ngoại tệ chưa được đánh giá lại theo tỷ giá cuối năm.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại được hạch toán vào Bảng Cân đối kế toán.

(c) Ghi nhận doanh thu

Doanh thu nghiệp vụ bảo hiểm gốc được ghi nhận khi Công ty phát hành hoá đơn. Hoá đơn được phát hành trên cơ sở đơn bảo hiểm đã phát hành, có hiệu lực và đã đến hạn thanh toán. Tuy nhiên, có một số đơn bảo hiểm đã có hiệu lực và đến hạn thanh toán nhưng chưa phát hành hoá đơn là 433.972.000 VNĐ.

GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các ghi chú từ trang 11 đến trang 17 là bộ phận không thể tách rời và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính này

(d) Ghi nhận doanh thu (tiếp)

Số dư doanh thu phát sinh tại ngày 31/12/2000 không phải thuộc hợp đồng bảo hiểm nhiều năm là 3,811 tỷ VNĐ. Tuy nhiên, theo Chế độ kế toán doanh nghiệp bảo hiểm sửa đổi tại Thông tư số 179/1998/TT-BTC ngày 26/12/1998 của Bộ Tài chính, tài khoản doanh thu phát sinh (tài khoản 513) chỉ sử dụng đối với các hợp đồng bảo hiểm thực hiện trong nhiều kỳ hoạt động kinh doanh. Ban Giám đốc Công ty đánh giá rằng, số dư doanh thu phát sinh 3,811 tỷ VNĐ nói trên là các hợp đồng bảo hiểm nhiều kỳ kinh doanh (nhiều quý), do đó chưa thực hiện hạch toán vào doanh thu bảo hiểm trên Báo cáo kết quả kinh doanh.

Doanh thu nghiệp vụ nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi Công ty nhận được thông báo của các nhà nhượng tái bảo hiểm. Doanh thu nghiệp vụ nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận khi Công ty thông báo cho các nhà nhận tái bảo hiểm.

Thu nhập từ các hoạt động đầu tư được ghi nhận trên cơ sở số lãi thu được trong năm.

(e) Tài sản cố định và khấu hao

Tài sản cố định được hạch toán theo nguyên tắc giá gốc. Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng, với tỷ lệ hàng năm như sau:

	Năm 1999	Năm 2000
Máy móc thiết bị	14%	14%
Phương tiện vận tải	17%	17%
Thiết bị văn phòng	20%	20-33%
Chi phí thành lập	33%	33%

Trong năm 2000, Công ty trích khấu hao theo số năm cần phải trích khấu hao cho mỗi loại tài sản cố định theo Quyết định số 166/1999/QĐ-BTC ngày 30/12/1999 của Bộ Tài chính. Số năm còn lại phải tính khấu hao được xác định phù hợp với Quyết định trên.

(f) Dự phòng nghiệp vụ

- Dự phòng phí: Mức trích lập quỹ dự phòng phí đối với các loại hình bảo hiểm vận chuyển hàng hoá được tính bằng mức phí giữ lại của 2 tháng cuối năm; đối với các loại hình bảo hiểm khác được tính bằng 40% của mức phí giữ lại của năm.
- Dự phòng bồi thường: Được lập trên cơ sở các ước tính tổn thất của bảo hiểm gốc phát sinh tại thời điểm cuối năm, không tính đến các ước tính tổn thất của các nghiệp vụ tái bảo hiểm. Năm 1999, Công ty trích dự phòng bồi thường trên cơ sở các ước tính tổn thất thuộc trách nhiệm thuần của Công ty, tức là bao gồm cả ước tính tổn thất của các hoạt động nhận tái bảo hiểm và nhượng tái bảo hiểm. Ban Giám đốc Công ty đánh giá rằng, việc thay đổi phương pháp tính dự phòng bồi thường nói trên nhằm đưa ra một chính sách kế toán hợp lý hơn.
- Quỹ dự phòng dao động lớn: Được trích bằng 20% mức phí giữ lại của năm đối với tất cả các loại hình bảo hiểm (Năm 1999: 5% mức phí giữ lại). Ban Giám đốc Công ty đánh giá rằng, việc thay đổi tỷ lệ dự phòng dao động lớn nói trên nhằm đưa ra một chính sách kế toán hợp lý hơn.

GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các ghi chú từ trang 11 đến trang 17 là bộ phận không thể tách rời và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính này

3 PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2000 VNĐ	31/12/1999 VNĐ
Phải thu hoạt động bảo hiểm gốc	6.030.113.699	3.708.712.798
Phải thu phí bảo hiểm gốc	6.030.113.699	3.708.712.798
Phải thu hoạt động nhận tái bảo hiểm	42.325.236	-
Phải thu phí nhận tái bảo hiểm	42.325.236	-
Phải thu hoạt động nhượng tái bảo hiểm	179.247.262	-
Phải thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	179.247.262	-
Cộng	6.251.686.197	3.708.712.798

4 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2000 VNĐ	31/12/1999 VNĐ
Tạm ứng bồi thường cho khách hàng	2.520.902.455	1.300.000.000
Trả trước cho người bán	110.000.000	20.000.000
Phải thu khác hoạt động bảo hiểm gốc	14.920.000	
Cộng	2.645.822.455	1.320.000.000

5 CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2000 VNĐ	31/12/1999 VNĐ
Phải thu vốn điều lệ (*)	18.093.400.000	24.150.000.000
Phải thu khác	17.599.578	16.943.735
Cộng	18.110.999.578	24.166.943.735

(*) Số phải thu vốn điều lệ là số vốn điều lệ các cổ đông pháp nhân đã huy động nhưng được tạm hoàn trả cho các cổ đông trong năm 1998. Theo ủy quyền của Đại hội cổ đông ngày 16/11/2000, Hội đồng quản trị đã phê duyệt phương án huy động vốn góp cổ đông ngày 30/03/2001, trong đó, giảm vốn các cổ đông pháp nhân là 8.100.000.000 VNĐ đồng thời tăng vốn của cổ đông thể nhân lên tương ứng nhằm điều chỉnh tỷ lệ vốn góp theo đúng Điều lệ Công ty. Dựa trên phương án được phê duyệt này, Công ty đã hạch toán số vốn cổ đông thể nhân đã góp trong năm 2000 như là khoản điều chỉnh giảm số Phải thu vốn điều lệ nói trên là 6.056.600.000 VNĐ; do đó số dư ngày 31/12/2000 của khoản Phải thu vốn điều lệ còn lại là 18.093.400.000 VNĐ.

6 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

Số dư khoản đầu tư tài chính ngắn hạn tại ngày 31/12/2000 là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nhưng chưa đến hạn thanh toán; cụ thể như sau:

	31/12/2000 VNĐ	31/12/1999 VNĐ
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	5.000.000.000	16.000.000.000
Ngân hàng ANZ Bank	10.000.000.000	13.689.721.498
Ngân hàng ABN - AMBRO	15.000.000.000	-
Ngân hàng City Bank	28.500.000.000	20.000.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam	11.000.000.000	4.600.000.000
Cộng	69.500.000.000	54.289.721.498

GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các ghi chú từ trang 11 đến trang 17 là bộ phận không thể tách rời và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính này.

7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÀ KHẤU HAO**a. Tài sản cố định hữu hình**

	Phương tiện vận tải VNĐ	Máy móc và Thiết bị quản lý VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2000	2.609.106.141	1.334.023.296	3.943.129.437
Tăng trong năm 2000	957.806.236	728.425.126	1.686.231.362
Giảm trong năm 2000	(6.000.000)	(234.371.614)	(240.371.614)
Tại ngày 31/12/2000	3.560.912.377	1.828.076.808	5.388.989.185
Khấu hao lũy kế			
Tại ngày 01/01/2000	251.744.733	223.752.971	475.497.704
Tăng trong năm 2000	447.123.064	492.123.231	939.246.295
Giảm trong năm 2000	(947.149)	(11.006.913)	(11.954.062)
Tại ngày 31/12/2000	697.920.648	704.869.289	1.402.789.937
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2000	2.357.361.408	1.110.270.325	3.467.631.733
Tại ngày 31/12/2000	2.862.991.729	1.123.207.519	3.986.199.248

b. Tài sản cố định vô hình (Chi phí thành lập)

	Năm 2000 VNĐ	Năm 1999 VNĐ
Nguyên giá		
Nguyên giá tại ngày 01/01	510.458.580	157.919.000
Tăng trong năm 2000	-	352.539.580
Nguyên giá tại ngày 31/12	510.458.580	510.458.580
Hao mòn		
Hao mòn lũy kế tại ngày 01/01	158.159.262	4.700.273
Hao mòn trong năm 2000	88.074.816	153.458.989
Hao mòn lũy kế tại ngày 31/12	246.234.078	158.159.262
Giá trị còn lại		
Giá trị còn lại 01/01	352.299.318	153.218.727
Giá trị còn lại tại ngày 31/12	264.224.502	352.299.318

8 KÝ QUỸ, KÝ CƯỢC DÀI HẠN

Số dư khoản ký quỹ, ký cược dài hạn tại ngày 31/12/2000 là số tiền 2 tỷ VNĐ ký quỹ theo luật định.

9 ĐẦU TƯ DÀI HẠN

	31/12/2000 VNĐ	31/12/1999 VNĐ
Mua công trái Nhà nước	1.000.000.000	1.000.000.000
Đầu tư dài hạn khác	10.000.000.000	-
	11.000.000.000	1.000.000.000

GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các ghi chú từ trang 11 đến trang 17 là bộ phận không thể tách rời và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính này

9 ĐẦU TƯ DÀI HẠN (TIẾP)

Trong đó, khoản đầu tư dài hạn khác là khoản uỷ thác cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Quốc tế và cùng với Ngân hàng này cho Bưu điện Thành Phố Hồ Chí Minh vay để mở rộng hệ thống tổng đài. Thời gian vay là 7 năm, với lãi suất là 0,65% tháng. Lãi suất này đã bao gồm cả 0,02% phí uỷ thác phải trả Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế.

10 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2000 VNĐ	31/12/1999 VNĐ
Hoạt động bảo hiểm gốc	362.697.881	194.766.126
Phải trả về bồi thường bảo hiểm gốc	229.476.932	24.267.350
Phải trả về hoa hồng đại lý, cộng tác viên	76.605.360	170.180.862
Phải trả về hoàn phí bảo hiểm	13.303.466	317.914
Phải trả khác	43.312.123	-
Hoạt động nhận tái bảo hiểm	1.207.111	42.352.386
Phải trả về chi bồi thường nhận tái bảo hiểm	1.207.111	42.352.386
Hoạt động nhượng tái bảo hiểm	2.219.920.013	377.658.313
Phải trả phí nhượng tái bảo hiểm	2.219.920.013	377.658.313
Phải trả về hàng hoá, lao vụ	142.784.600	145.850.274
Phải trả khác	-	5.678.051
	2.726.609.605	766.305.150

11 PHẢI TRẢ CÔNG NHÂN VIÊN

Khoản phải trả công nhân viên tại ngày 31/12/2000 là quỹ lương chưa thanh toán của Công ty.

12 QUỸ DỰ PHÒNG NGHIỆP VỤ

	Số dư tại 31/12/1999 VNĐ	Số trích trong năm 2000 VNĐ	Số dư tại 31/12/2000 VNĐ
Quỹ dự phòng phí	14.738.503.915	5.279.850.765	20.018.354.680
Quỹ dự phòng bồi thường	5.390.103.635	4.302.101.865	9.692.205.500
Quỹ dự phòng tổn thất lớn	2.036.308.195	10.001.664.690	12.037.972.885
	22.164.915.745	19.583.617.320	41.748.533.065

13 VỐN CỔ ĐÔNG

Theo ủy quyền của Đại hội cổ đông ngày 16/11/2000, Hội đồng quản trị đã phê duyệt phương án huy động vốn góp cổ đông vào ngày 30/03/2001, trong đó giảm vốn các cổ đông pháp nhân là 8.100.000.000 VNĐ đồng thời tăng vốn của cổ đông thể nhân lên tương ứng nhằm điều chỉnh tỷ lệ vốn góp theo đúng Điều lệ Công ty.

	Theo Giấy phép VNĐ	Số dư tại 31/12/1999 VNĐ	Số dư tại 31/12/2000 VNĐ
I. Cổ đông pháp nhân	48.300.000.000	48.300.000.000	40.200.000.000
Tổng Công ty Bưu chính Viễn thông Việt Nam	28.700.000.000	28.700.000.000	23.900.000.000
Công ty Bảo hiểm Thành phố Hồ Chí Minh	7.000.000.000	7.000.000.000	5.800.000.000
Công ty Tái bảo hiểm Quốc gia Việt Nam	5.600.000.000	5.600.000.000	4.600.000.000
Ngân hàng Thương mại cổ phần Quốc tế	2.800.000.000	2.800.000.000	2.300.000.000
Tổng Công ty Xuất nhập khẩu Xây dựng Việt Nam	1.400.000.000	1.400.000.000	1.200.000.000
Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội	1.400.000.000	1.400.000.000	1.200.000.000
Công ty Xuất nhập khẩu Vật tư Bưu điện I	1.400.000.000	1.400.000.000	1.200.000.000
II. Cổ đông cá nhân	9.997.500.000	12.892.200.000	18.097.500.000
	58.297.500.000	61.192.200.000	58.297.500.000

GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các ghi chú từ trang 11 đến trang 17 là bộ phận không thể tách rời và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính này

13 VỐN CỔ ĐỒNG (TIẾP)

Trong số vốn góp của các cổ đông pháp nhân, 50% (24.150.000.000 VNĐ) đã được tạm hoàn trả lại cho các cổ đông theo phương án kinh doanh của Công ty đã được Hội đồng quản trị thông qua tại tờ trình ngày 29/8/1998 và đã được hạch toán vào tài khoản Phải thu khác. Trong năm 2000, Công ty đã hạch toán số vốn cổ đông thể nhân đã góp trong năm 2000 như là khoản điều chỉnh giảm số Phải thu vốn điều lệ nói trên là 6.056.600.000 VNĐ; do đó số dư ngày 31/12/2000 của khoản Phải thu vốn điều lệ còn lại là 18.093.400.000 VNĐ.

14 QUỸ DỰ PHÒNG TÀI CHÍNH VÀ QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN

	Số dư tại 31/12/1999 VNĐ	Số trích trong năm 2000 (*) VNĐ	Số dư tại 31/12/2000 VNĐ
Quỹ dự phòng tài chính	381.672.916	476.545.894	858.218.810
Quỹ đầu tư phát triển	342.135.086	1.429.637.683	1.771.772.769
	723.808.002	1.906.183.577	2.629.991.579

(*) Số trích trong năm 2000 của Quỹ dự phòng tài chính và Quỹ đầu tư phát triển là số trích theo Biên bản họp Hội đồng quản trị ngày 22/3/2001.

15 QUỸ KHEN THƯỞNG VÀ PHÚC LỢI

	Năm 2000 VNĐ	Năm 1999 VNĐ
Số dư đầu năm (01/01)	783.350.494	80.600.000
Số trích trong năm	(*) 1.479.436.891	923.910.494
Số chi trong năm	(757.070.563)	(221.160.000)
Số dư cuối năm (31/12)	1.505.716.822	783.350.494

(*) Trong đó, 1.473.836.715 VNĐ là số trích trong năm 2000 theo Biên bản họp Hội đồng quản trị ngày 22/3/2001; số còn lại là thu tiền thưởng từ Tổng Công ty.

16 LÃI CHƯA PHÂN PHỐI

	Năm 2000 VNĐ	Năm 1999 VNĐ
Số dư lãi chưa phân phối đầu năm (01/01)	5.885.739.842	651.218.779
Lợi nhuận thực hiện trong năm	14.877.144.197	10.062.796.661
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(4.760.686.143)	(3.220.094.932)
Thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung	(585.540.167)	-
Trích lập các quỹ: (*)		
- Quỹ dự phòng tài chính	(476.545.894)	(342.135.086)
- Quỹ đầu tư phát triển	(1.429.637.683)	(342.135.086)
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(1.473.836.715)	(923.910.494)
- Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	(190.618.358)	-
Chia lãi cổ tức năm 1998 và 1999	(5.015.592.177)	-
Lợi nhuận chưa phân phối cuối năm (31/12)	6.830.426.902	5.885.739.842

(*): Trong năm 2000, các số trích lập các quỹ đã được Hội đồng quản trị phê duyệt ngày 22/3/2001. Thuế thu nhập bổ sung được tính trên cơ sở lợi nhuận thực hiện trong năm.

GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các ghi chú từ trang 11 đến trang 17 là bộ phận không thể tách rời và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính này

17 DOANH THU BẢO HIỂM GỐC

	Năm 2000 VNĐ	Năm 1999 VNĐ
Bảo hiểm con người	4.916.989.173	2.392.235.795
Bảo hiểm tài sản và thiệt hại	45.710.338.806	29.980.021.346
Bảo hiểm hàng hoá	6.646.053.152	3.480.352.720
Bảo hiểm trách nhiệm chung	37.433.000	51.358.028
Bảo hiểm xe cơ giới	8.929.602.370	5.259.788.866
Bảo hiểm cháy	2.971.945.678	3.609.767.137
Doanh thu hàng bồi thường 100%	-	630.000
	69.212.362.179	44.774.153.892

18 CHI BỒI THƯỜNG BẢO HIỂM GỐC

	Năm 2000 VNĐ	Năm 1999 VNĐ
Bảo hiểm con người	2.426.249.222	1.008.577.500
Bảo hiểm tài sản và thiệt hại	2.539.171.600	154.271.339
Bảo hiểm hàng hoá	3.959.996.160	169.658.226
Bảo hiểm trách nhiệm chung	-	-
Bảo hiểm xe cơ giới	1.740.091.441	476.563.127
Bảo hiểm cháy	6.000.805	38.831.028
	10.671.509.228	1.847.901.220

19 SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOÁ SỔ

Tại ngày 22 tháng 3 năm 2001, Hội đồng quản trị đã phê duyệt cho số trích lập các quỹ Công ty đồng thời nhất trí phương án đề xuất tăng vốn cổ đông và giao cho Giám đốc Công ty trình văn bản lên Hội đồng quản trị. Ngày 30 tháng 3 năm 2001, Chủ tịch Hội đồng quản trị đã phê chuẩn cho việc huy động thêm vốn này.

Cũng tại cuộc họp ngày 22 tháng 3 năm 2001, Hội đồng quản trị đã thống nhất góp vốn cổ phần 3 tỷ VNĐ vào Công ty Cổ phần Du lịch Bưu điện.

20 SỐ LIỆU SO SÁNH

Một số số liệu của năm trước đã được phân loại lại để phù hợp với cách trình bày của năm nay.

*

*

*